

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG NHẬN THỨC TÍCH CỰC CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ 12 PHẦN VIỆT NAM (1945-1954)

LÊ THỊ HUẾ*

Ngày nhận bài: 27/06/2016; ngày sửa chữa: 04/07/2016; ngày duyệt đăng: 04/07/2016.

Abstract: The article refers to the positive awareness skills and training these skills for students in teaching History grade 12 at high school. Positive awareness is an important factor that determines the quality of teaching. These skills are formed and developed in long time learning. To train these skills for students in learning Vietnamese History, teachers must apply different methods in teaching such as problem raising, conversation, discussion, role play, mind map, etc. to systemize the knowledge.

Keywords: Positive awareness, Vietnamese history.

Nhận thức tích cực (NTTC) là một trong những nội dung cơ bản, chủ yếu của lí luận dạy học hiện đại, là điểm khác biệt cơ bản giữa phương pháp dạy học (PPDH) truyền thống và PPDH hiện đại. Theo đó, tính chủ động và tích cực nhận thức của người học luôn chiếm vị trí chủ đạo và chi phối toàn bộ quá trình dạy học. Sự chuyển hướng từ lối dạy học thụ động “thầy đọc trò chép” sang lối dạy học tích cực “thầy thiết kế, trò thi công” là một cuộc cách mạng lớn trong dạy học hiện nay. NTTC là yêu cầu quan trọng, có giá trị quyết định tới chất lượng dạy học. Nhưng NTTC không phải tự nhiên mà có, để có NTTC, phải hiểu bản chất của NTTC và quan trọng hơn là phải hình thành được kĩ năng NTTC và thường xuyên rèn luyện kĩ năng ấy trong thực tiễn nhận thức.

1. NTTC và kĩ năng NTTC trong dạy học lịch sử (DHLS)

NTTC là quá trình nhận thức chủ động, tự giác của chủ thể, nhằm chiếm lĩnh đối tượng nhận thức bằng sự nỗ lực cao của hoạt động trí tuệ và sự huy động tối ưu các chức năng tâm lí, dựa trên nền tảng của hứng thú và khát vọng sáng tạo. NTTC phát sinh không chỉ từ nhu cầu nhận thức mà còn từ nhu cầu sinh học, nhu cầu đạo đức thẩm mĩ, nhu cầu giao lưu văn hóa. Hạt nhân cơ bản của NTTC là hoạt động tư duy của cá nhân được tạo nên do sự thúc đẩy của hệ thống nhu cầu đa dạng.

Ngoài những đặc điểm chung, trong quá trình DHLS, NTTC được biểu hiện với những nội dung cơ bản: - Là nhận thức về các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ mà hiện không tồn tại nguyên vẹn trong thực tiễn. Do đó, nhận thức lịch sử (LS) chủ yếu không phải nhận thức bằng con đường trực tiếp hoặc tiến hành các thí nghiệm như nhiều môn học khác. Việc tiếp nhận kiến thức quá khứ đòi hỏi tính trừu tượng rất cao và óc tưởng tượng rất phong phú, để dựng lại hình ảnh

chân thật về một sự kiện đã qua, mà sự kiện đó không còn tồn tại trong hiện tại; - Nhận thức LS, xét cho cùng là tìm hiểu bản chất của quá khứ chứ không phải chỉ là nhận thức ở bề ngoài, kể lại diễn biến sự kiện, mà là nhận thức bản chất của sự kiện, của quy luật phát triển xã hội. Bản chất của sự kiện LS không bao giờ bộc lộ trực diện và trực tiếp ở những biểu hiện bên ngoài mà giác quan của con người có thể trực tiếp cảm nhận được. Đây cũng là một trong những đặc điểm chung của quá trình nhận thức bản chất của mọi sự vật, hiện tượng. Trong tính thống nhất và hệ thống của mình, bản chất của quá trình LS thể hiện ở những khái niệm trừu tượng, thông qua những khái niệm trừu tượng, từ ở mức độ thấp trong phạm vi bản chất một sự kiện, một giai đoạn LS cụ thể, đến bản chất của một thời đại, cũng như quá trình phát triển của LS nhân loại; - Nhận thức bản chất của sự kiện, của quá trình LS mặc dù rất quan trọng nhưng chưa phải là mục tiêu cuối cùng của nhận thức LS nói chung và hoạt động DHLS nói riêng. Vấn đề ở chỗ, phải khai thác được giá trị của sự kiện LS cho việc giáo dục “thế giới quan” và “nhân sinh quan” cho học sinh (HS), là vận dụng việc hiểu biết quá khứ vào thực tiễn cuộc sống. Đó là một nguyên tắc rất cơ bản của hoạt động dạy học.

NTTC trong học tập LS là quá trình nhận thức chủ động, tự giác của người học, nhằm chiếm lĩnh tri thức LS bằng sự nỗ lực cao của hoạt động trí tuệ và tự huy động tối ưu các chức năng tâm lí dựa trên nền tảng của hứng thú và khát vọng sáng tạo, phù hợp với đặc trưng, bản chất của tri thức LS và vận dụng sáng tạo tri thức đó vào cuộc sống. Kĩ năng NTTC trong học tập LS là khả năng HS tiếp thu và xử lí kiến thức LS một cách hứng thú, chủ động và tích cực thông qua hệ thống của các thao tác

* Học viên cao học K22 Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

tư duy thuận thực nhằm giúp các em có khả năng vừa nhận thức hiệu quả kiến thức đã học, vừa vận dụng sáng tạo kiến thức vào cuộc sống.

2. Vai trò của việc rèn luyện kỹ năng NTTC cho HS trong DHLS

Việc hình thành và thường xuyên rèn luyện kỹ năng NTTC cho HS sẽ *“kêu gọi, kích thích, đòi hỏi con người phải suy nghĩ, tìm tòi và phát huy đến mức cao nhất, mọi móc trong con người cái gì có thể giải quyết vấn đề đặt ra”* [1; tr 5]. Vì vậy, việc rèn luyện kỹ năng NTTC có vai trò và ý nghĩa to lớn trong quá trình dạy học.

Với giáo viên (GV): Kiến thức của bộ môn LS ở trường phổ thông mà GV phải dạy, HS phải học rất phong phú và đa dạng. Để giúp HS lĩnh hội tốt những kiến thức cơ bản, có những kỹ năng cần thiết để giải quyết bài tập đồng thời mở rộng hiểu biết của các em, GV phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa nội dung bài học và phương pháp thực hiện. Vì vậy, thông qua việc rèn luyện kỹ năng NTTC giúp GV không ngừng nâng cao trình độ lý luận dạy học bộ môn, từ đó góp phần đổi mới PPDH.

Với HS: NTTC giúp các em rèn luyện kỹ năng học tập bộ môn như: tính kiên trì, nhẫn nại khi tìm hiểu vấn đề, chăm chỉ chịu khó trong học tập... vừa góp phần bồi dưỡng và làm phong phú thêm vốn hiểu biết cũng như kiến thức đối với các môn học khác có liên quan (*Địa lí, Giáo dục công dân, Ngữ văn...*), qua đó HS hiểu được quy luật phát triển và rút ra bài học LS, HS sẽ hệ thống hóa, khái quát hóa kiến thức tốt hơn.

Ví dụ: Sau khi học xong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) của nhân dân ta, dưới sự định hướng của GV, các em sẽ rút ra kết luận: sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 của quân và dân ta, thực dân Pháp từng bước bị đẩy vào thế lúng túng bị động trong cuộc chiến tranh và liên tiếp thất bại (âm mưu và nội dung của các kế hoạch chiến tranh được ra đời từ sự thất bại của các kế hoạch chiến tranh trước đó): Kế hoạch Bôlae (1947) —> Kế hoạch Rove (1949) —> Kế hoạch Đờlát đơ Tátxinhi (cuối năm 1950) —> Kế hoạch Nava (1953). Hay việc rút ra nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự thắng lợi của ta trong cuộc chiến tranh đó là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

3. Các biện pháp rèn luyện kỹ năng NTTC cho HS trong DHLS Việt Nam giai đoạn 1945-1954

3.1. Rèn luyện kỹ năng xác định “tình huống có vấn đề” và kích thích hứng thú học tập LS của HS. Nhiệm vụ đầu tiên để thực hiện việc rèn luyện kỹ năng NTTC cho HS trong DHLS là phải giúp cho các em biết và có thói quen trong xác định nhiệm vụ nhận thức, tức là xác định đúng đắn tình huống có vấn đề của bài học, hình thành động cơ học tập đúng đắn và tạo hứng thú

học tập cho các em. Trong việc xác định nhiệm vụ nhận thức thì dạy học nêu vấn đề có vị trí rất quan trọng và một trong những công việc có thể làm là vận dụng dạy học nêu vấn đề vào việc thực hiện khóa trình này.

Dạy học nêu vấn đề được vận dụng trong tất cả các khâu của giờ học, có ý nghĩa đặc biệt đối với việc hình thành kiến thức trên cơ sở hoạt động tư duy độc lập, giúp HS vừa nắm được tri thức mới, vừa nắm được phương pháp chiếm lĩnh tri thức đó, chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội. Đó là phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh, hay chính là “dạy cách học” cho người học. Đưa người học vào “tình huống có vấn đề” kích thích hứng thú học tập, mong muốn phải tìm ra cái mới, cái chưa biết cho các em. Để hình thức dạy học này đạt hiệu quả, cần phải tuân thủ các bước: dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề; tổ chức, hướng dẫn HS giải quyết vấn đề; dẫn dắt HS kết thúc vấn đề...

3.2. Rèn luyện kỹ năng NTTC cho HS trong quá trình giải quyết nhiệm vụ bài học

3.2.1. Sử dụng tranh ảnh kết hợp với miêu tả, tường thuật. Do đặc điểm của việc học tập LS - không thể trực tiếp quan sát các sự kiện, hiện tượng nên việc sử dụng kênh hình nhằm tổ chức, hướng dẫn HS học tập là biện pháp hiệu quả nhất trong con đường hình thành kiến thức. Nó không chỉ đúng với lý luận dạy học bộ môn, quy luật nhận thức của con người nói chung là từ “trực quan”, mà còn thực hiện nhiều nhiệm vụ: cung cấp sự kiện, tạo biểu tượng, hình thành khái niệm... Kênh hình LS bao gồm toàn bộ tranh ảnh (tranh vẽ, ảnh chụp lại), hình vẽ, lược đồ, phim tài liệu, sơ đồ, niên biểu LS... Tranh ảnh LS đóng vai trò quan trọng đối với bài học LS, vì thế tất cả các bài học nghiên cứu kiến thức mới trong sách giáo khoa (SGK) đều có. *“Tranh ảnh LS được trình bày với tư cách minh họa cho kênh chữ, đồng thời là nguồn cung cấp thông tin cho sự kiện được nhắc tới trong SGK”* [2; tr 104]. Qua đó, góp phần làm phong phú, sinh động, hấp dẫn cho bài giảng của GV. Tuy nhiên, tranh ảnh LS có nhiều loại, GV phải lựa chọn, xác định tranh ảnh cần sử dụng trong bài. Đối với tranh ảnh không có trong SGK, GV phải xác định đúng đối tượng và nội dung kiến thức trình bày, thông tin phải đúng về mặt khoa học, tác động tích cực đến nhận thức, tư tưởng của HS về những sự kiện học trên lớp.

Ví dụ: khi dạy học mục 2, bài 18 *“Chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950”* (LS12), GV cho HS khai thác kênh hình 49 *“Bác Hồ thăm một đơn vị tham gia chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950”* hoặc có thể cho HS quan sát các bức tranh có liên quan về Bác trong chiến dịch Biên giới (xem hình 1, 2). GV giúp HS khai thác kiến thức *“ấn”* trong hình bằng câu hỏi gợi mở: *bức ảnh*

LS này gợi cho em suy nghĩ gì về chiến dịch Biên giới? Theo em chiến dịch Biên giới có tầm quan trọng như thế nào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân ta? Tại sao Bác Hồ lại trực tiếp tham gia chỉ huy chiến dịch?



Hình 1. Bác Hồ đi thị sát trận địa chiến dịch Biên giới năm 1950



Hình 2. Bác Hồ đi quan sát trận đánh Đông Khê

Sau khi cho HS quan sát bức tranh, GV đặt tiếp câu hỏi: *Vì sao ta chọn đánh vào cứ điểm Đông Khê để mở màn chiến dịch Biên giới?* Qua quan sát bức tranh, GV miêu tả giúp HS hiểu được vị trí địa lí quan trọng của Đông Khê trong hệ thống phòng thủ của địch trên đường

số 4, giúp các em thấy được tầm quan trọng đặc biệt của trận đánh mở màn chiến dịch này, đồng thời kết hợp với tranh, ảnh GV có thể đọc thêm đoạn thơ làm cho giờ học hấp dẫn hơn: *“Chống gậy lên non xem trận địa/Vạn trùng núi đổ vạn trùng mây/Quân ta khí mạnh nuốt ngu đầu/Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy”.*

3.2.2. Sử dụng lời nói sinh động, giàu hình ảnh và gây xúc động cho HS. Khi học LS, HS phải tư duy để khôi phục lại bức tranh quá khứ, hình ảnh về sự kiện, con người... Do đó, lời nói rõ ràng, giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn của GV có ảnh hưởng rất lớn tới trí tuệ và trái tim của HS. Đây là một trong những nguồn kiến thức quan trọng, tạo cho HS có biểu tượng cụ thể, chính xác. Vì vậy, trong DHLS cần thường xuyên rèn luyện ngôn ngữ, cũng như nghệ thuật trình bày miệng của mình và rèn luyện cho HS biết cách trình bày mạch lạc, trong sáng. Để trình bày bài giảng có hình ảnh, GV cần nắm vững kiến thức khoa học, sử dụng tốt, đa dạng, phong phú các tài liệu như: đoạn trích trong các tác phẩm LS, văn học, hay đồ dùng trực quan... Vì vậy, khi dạy học, GV dựa vào nội dung SGK, kết hợp với các tài liệu tham khảo khác phù hợp với nội dung, trình độ HS, cũng có thể dựa vào bản đồ để trình bày có hình ảnh cho HS hiểu rõ.

3.2.3. Tăng cường trao đổi, đàm thoại. Trao đổi, đàm thoại là công việc mà GV nêu ra câu hỏi để HS trả lời, đồng thời các em có thể trao đổi với nhau dưới sự chỉ đạo của GV nhằm đạt được mục đích dạy học. Trong DHLS có thể vận dụng nhiều dạng trao đổi, đàm thoại tùy vào nội dung bài học cụ thể trao đổi tái hiện nhằm gợi lại kiến thức cũ để tiếp thu kiến thức mới; trao đổi, đàm thoại phân tích, khái quát hóa nhằm hướng HS tìm ra bản chất sự kiện LS; trao đổi tìm tòi phát hiện nhằm tổ chức hoạt động nhận thức của HS khi giải quyết các nhiệm vụ học tập phức tạp; trao đổi ôn tập, tổng kết, kiểm tra... Trao đổi, đàm thoại có rất nhiều ưu thế trong việc hình thành kiến thức, rèn luyện các kĩ năng nhận thức trên cơ sở hoạt động tư duy tích cực, độc lập của HS. Qua trao đổi, các phẩm chất cần thiết của hoạt động nhận thức: tính tích cực, sáng tạo, óc phê phán, khả năng suy luận... được hình thành ở HS. Mặt khác, phương pháp này còn tạo không khí lớp học sôi nổi, cuốn hút hứng thú của HS. Trao đổi đàm thoại là một biện pháp có thể được tiến hành ở các loại bài, các mục của một bài..., giúp các em không chỉ “biết” mà còn “hiểu” bản chất vấn đề thông qua các câu hỏi: Vì sao? Tại sao? Như thế nào? ...

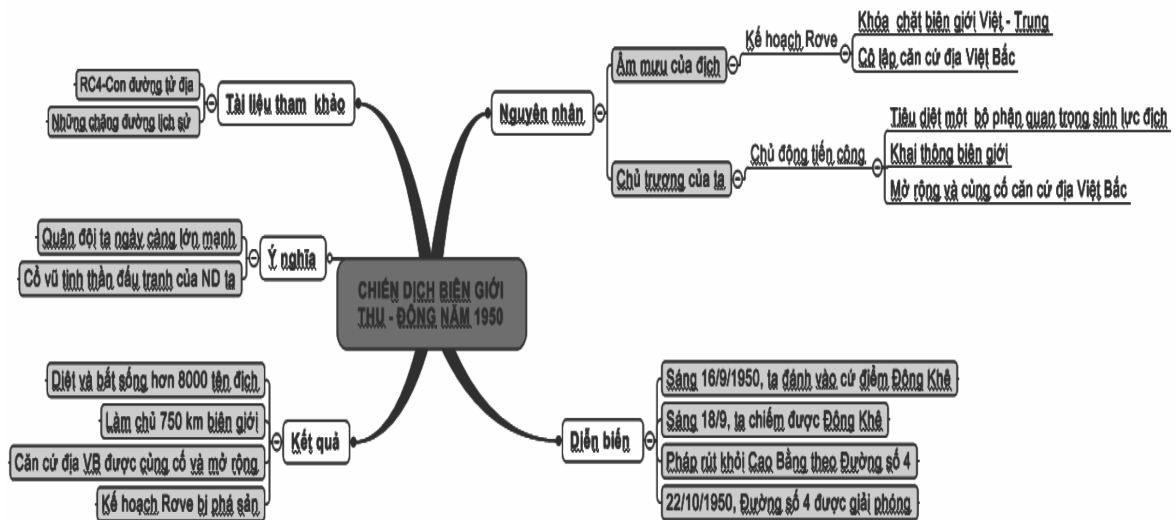
Ví dụ: Khi học về chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, GV có thể sử dụng loại câu hỏi nêu sự phát sinh, phát triển của một sự kiện, hiện tượng LS để HS

trao đổi như: *Tại sao đến năm 1950, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới? Tại sao Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh lại quyết định chọn cứ điểm Đông Khê là điểm đánh mở đầu cho chiến dịch chứ không phải là thị xã Cao Bằng? Quyết định này chứng tỏ điều gì?* Thông qua câu hỏi đàm thoại, GV giúp HS từng bước nhận thức được những tri thức cơ bản của bài học.

3.2.4. Sử dụng phương pháp tranh luận. Phương pháp này giúp HS tích cực làm việc (cá nhân và nhóm) cùng nhau tìm ra những “chứng cứ” để chứng

quan trọng, giúp HS ghi nhớ kiến thức, vì vậy, sử dụng SĐTĐ trong dạy học là điều cần thiết, rèn cho HS kỹ năng trình bày kiến thức bài học một cách khái quát, hệ thống, thuận tiện cho HS trong quá trình ôn tập cho kiểm tra và thi. Đồng thời, tạo cho HS có được tư duy logic, rõ ràng, rành mạch, lôi cuốn các em tham gia vào bài học, tăng thêm sự sinh động, khuyến khích HS sử dụng SĐTĐ góp phần nâng cao hiệu quả DHLS.

Ví dụ, sau khi học xong *Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950*, GV định hướng HS củng cố lại bài học như sau (xem hình 3).



Hình 3. SĐTĐ về chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950

minh luận điểm của mình (nhóm mình) là đúng. Phương pháp này không những giúp cho các em nắm được kiến thức cơ bản của bài mà còn tạo cho các em phong cách học, làm việc tự giác, tìm tòi suy nghĩ, phát triển khả năng tư duy và óc phân tích, tư duy phản biện. Để bảo vệ luận điểm của mình HS phải rèn kỹ năng diễn đạt, kỹ năng khái quát hóa và trình bày vấn đề. Cũng qua đó, rèn cho HS khả năng tự tin vào chính bản thân mình để bảo vệ ý kiến mình đưa ra. Ví dụ, khi tổ chức dạy học bài 18 “*Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950)*” (LS12), GV nêu câu hỏi: “*Có cần thiết không khi Đảng phát động cuộc kháng chiến chống Pháp vào đêm 19/12/1946? Vì sao? Căn cứ vào đâu mà Đảng ta lại để ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh?*”...

3.3. Hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy (SĐTĐ). Một trong những định hướng giúp HS học tập tích cực thông qua dạy - học bằng SĐTĐ là kỹ năng ghi chép và hệ thống hóa lại kiến thức. Trong quá trình học tập LS, việc ghi chép bài có vai trò

* * *

Rèn luyện kỹ năng NTTC cho HS là một nội dung cần thiết để nâng cao hiệu quả dạy học nói chung, DHLS nói riêng ở trường trung học phổ thông hiện nay. Tuy nhiên khi áp dụng các biện pháp mà chúng tôi đề cập, GV cần căn cứ vào yêu cầu, nguyên tắc, mục đích ở mỗi bài học, cũng như đối tượng HS ở các vùng miền sao cho phù hợp để bài học LS đạt hiệu quả cao nhất. □

Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1997). *Tâm lí học*. NXB Giáo dục.
 [2] Nguyễn Thị Côi (chủ biên) (1996). *Bài học lịch sử ở trường trung học phổ thông*. Trung tâm đào tạo từ xa, Huế.
 [3] Charles Henry de Pirey (2003). *Con đường từ địa RC4-1950 - Hồi ức*. NXB Đà Nẵng.
 [4] Bộ GD-ĐT (2006). *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10 trung học phổ thông*.
 [5] Kiều Thế Hưng (1999). *Hệ thống thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.